

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-PT
Ngày 08– 12– 2017
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ;
Bà Thái Thị Huyền Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Từ Thu Ba -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 43/2017/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Văn Thành B (Đ), sinh năm 1965 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn Mỹ L, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Lâm T là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Lâm T thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan E, sinh năm 1964 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn Mỹ L, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Minh L là Luật sư của Văn phòng luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn Mỹ L, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Văn Kim Bảo L1, sinh năm 1996 (Có mặt).

3.3. Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1996 (Có mặt).

3.4. Chị Văn Kim Bảo S, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

3.5. Anh Văn Kim Bảo G, sinh năm 1982 (Có mặt).

3.6. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1987 (Có mặt).

3.7. Cháu Văn Kim Bảo C, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Văn Kim Bảo T2, sinh ngày 02/01/2010 do chị Nguyễn Hồng N là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Ấp T, thị trấn Mỹ L, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Văn Kim Bảo L1): Ông Tăng Quốc Thừa là Luật sư của Công ty Luật TNHH Đại Việt - chi nhánh An Giang thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3.8. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh An Giang.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Mỹ L, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh An Giang: Ông Huỳnh Công Khanh – Trưởng phòng kiểm sát rủi ro chi nhánh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2016 (Xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lan E là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Văn Thành B (Đ) trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Lan E kết hôn với nhau vào năm 1982, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn trước Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 16/9/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11/2013 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ khi ly thân đến nay, gia đình hai bên có giàn xếp nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn nên ông yêu cầu xin được ly hôn với bà E.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Văn Kim Bảo G, sinh ngày 10/3/1982; Văn Kim Bảo Lộc, sinh ngày 16/01/1996 và Văn Kim Bảo S, sinh ngày 19/10/1987. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

1. Phần đất diện tích 339,60m², số tờ bản đồ 07, số thửa 3, tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSDĐ/Ha ngày 20/10/1998 cho ông B và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 50090900212 ngày 06/11/2000 cho ông B và bà E. Căn nhà ông bà đã phá dỡ để cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh An Giang thuê đất theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 13/12/2011. Theo Biên bản định giá ngày 23/9/2015 thì phần đất diện tích 339,60m² trị giá 3.000.000đ bằng 1.018.800.000đ.

2. Căn nhà có kết cấu khung, sàn bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch, mái tole (số tầng 2), tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5009090102 ngày 18/3/2005 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông B và bà E. Theo biên bản định giá ngày 23/9/2015 thì căn nhà trị giá (183,60m² x 3.360.000đ/m² x 80%) 493.516.800đ. Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 639m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 44. Nguồn gốc đất của ông B và bà E nhưng đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/02/2010 cho anh G, đến ngày 01/3/2014 anh G ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh L1 nên đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03096 ngày 10/4/2014 cho anh Lộc, về đất ông B xin rút yêu cầu phản tố không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông B yêu cầu được chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 339,60m² và giao cho bà E được sở hữu căn nhà. Nếu ông sở hữu tài sản nhiều hơn, ông đồng ý hoàn giá trị lại cho bà E.

Đối với phần đất diện tích 1.925m² và phần đất diện tích 243m² đều tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ông xin rút yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông với bà E không có nợ chung. Việc bà E vay của bà D số tiền 1.250.000.000đ để sử dụng vào mục đích gì ông không biết. Nay bà D yêu cầu ông và bà E liên đới trả số tiền 1.250.000.000đ, ông không đồng ý.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Lan E trình bày:

Vào ngày 21/10/2014 bà có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông B, đến ngày 06/4/2015 bà làm Đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện, vì bà còn thương chồng và các con nên muốn ông B hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng lo cuộc sống chung cho gia đình. Tuy nhiên, ông B không muốn tiếp tục xây dựng cuộc hôn

nhân với bà nên ông B đã làm đơn phản tố xin ly hôn với bà. Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về quá trình chung sống của vợ chồng. Hiện nay, bà vẫn còn thương chồng nên yêu cầu được đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Văn Kim Bảo G, sinh ngày 10/3/1982, Văn Kim Bảo Lộc, sinh ngày 16/01/1996 và Văn Kim Bảo S, sinh ngày 19/10/1987. Hiện nay các con chung đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B, vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ Phần đất diện tích 339,60m², số tờ bản đồ 07, số thửa 3, tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSDĐ/Ha ngày 20/10/1998 cho ông B và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 50090900212 ngày 06/11/2000 cho ông B và bà E. Nhà ông bà đã phá dỡ và cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh An Giang thuê đất theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 13/12/2011.

+ Căn nhà có kết cấu khung + sàn bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch, mái tole (số tầng 2), tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5009090102 ngày 18/3/2005 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông B và bà E. Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 639m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 44, đất đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03096 ngày 10/4/2014 cho anh Lộc.

Đối với phần đất diện tích 1.925m² và phần đất diện tích 243m² đều tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ông B xin rút yêu cầu phản tố, bà đồng ý.

- Quan hệ về nợ chung: Bà có vay của bà Lê Thị Kim D nhiều lần tổng cộng 1.250.000.000đ, khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng theo Biên nhận ngày 28/01/2015, mục đích vay tiền để mua bán sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên việc vay tiền là do bà đi vay và nhận tiền từ bà D. Bà thống nhất trả cho bà D được khấu trừ trong số tài sản chung của vợ chồng. Bà xin bà Diễm giảm bớt phần lãi suất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Kim D trình bày: Do quen biết nên bà E có đến nhà bà vay nhiều lần tiền vào ngày 28/01/2015 bà E có làm biên nhận với số tiền 1.250.000.000đ. Mục đích vay để làm ăn, khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà E hẹn khoảng 03 tháng sẽ trả nhưng đến hạn thanh toán bà E, ông B không

trả vốn và lãi như đã thỏa thuận. Khi vay, để làm tin bà E có thể chấp cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016 QSDĐ/Ha ngày 20/10/1998 do ông B đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5009090212 ngày 06/11/2000 do ông B và bà E đứng tên. Bà yêu cầu bà E và ông B phải trả số tiền 1.250.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 28/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – chi nhánh An Giang ủy quyền cho ông Huỳnh Công Khanh trình bày: Vào ngày 01/4/2012 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN An Giang có ký kết Hợp đồng thuê Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với ông B và bà E thời hạn thuê đất là 10 năm tính từ ngày 01/4/2012 đến ngày 31/3/2022. Mục đích thuê để xây dựng trụ sở Phòng giao dịch trực thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh An Giang. Việc ly hôn giữa ông B và bà E Ngân hàng không có ý kiến, việc tranh chấp tài sản sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thuê Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1031 ngày 13/12/2011 giữa Ngân hàng và ông B, bà E. Nếu ông B và bà E có nhu cầu lấy lại đất cho thuê thì phải thông báo cho Ngân hàng thời gian 12 tháng và bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Do công việc đi lại khó khăn nên xin vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải và xét xử.

- Anh Văn Kim Bảo L1 trình bày: Vào ngày 01/3/2014 anh Giang ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để cho anh phân đất diện tích 639m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03096 ngày 10/4/2014 cho anh Lộc. Hiện nay đất anh đang thế chấp để vay số tiền 250.000.000đ tại Quỹ Tín dụng Mỹ Luông theo Hợp đồng tín dụng số 455/2016 ngày 09/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 384/HĐTD ngày 15/11/2017. Nếu cha mẹ ly hôn, anh yêu cầu cha mẹ tháo dỡ nhà để trả đất cho anh sử dụng.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, anh Văn Kim Bảo G, chị Nguyễn Hồng N, cháu Văn Kim Bảo C và cháu Văn Kim Bảo T2 (do chị Nguyễn Hồng N là người đại diện theo pháp luật) trình bày: Các anh chị hiện đang sống chung với bà E tại căn nhà đang tranh chấp tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Việc cha mẹ xin ly hôn và chia tài sản chung các anh chị không có ý kiến.

- Chị Văn Kim Bảo S vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp lời khai.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình số: 43/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã quyết định:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan E đối với việc bà Lan E có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Văn Thành B.
- Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Thành B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lan E.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: TT: 291, quyển số 02/2001 ngày 16/9/2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Văn Kim Bảo G, sinh ngày 10/3/1982; Văn Kim Bảo Lộc, sinh ngày 16/01/1996; Văn Kim Bảo S, sinh ngày 19/10/1987 tất cả 03 chung đã trưởng thành. Do đó Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông B được sở hữu diện tích đất 339,60m². Theo tờ bản đồ số 07, thửa số 3; được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/10/1998 cho ông Văn Thành B. Thửa đất này cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh An Giang (SACOMBANK) thuê thời hạn 10 năm (Từ ngày 01/4/2012 đến ngày 31/3/2022). Đất tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Được thể hiện tại các cột mốc theo hồ sơ bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 30/12/2015 (sơ đồ khu đất mà ông B được sở hữu là phần không thể tách rời của bản án). Ông B có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Bà Lan E được sở hữu phần trên nóc của căn Nhà trọ “Đông Lan” kết cấu bê tông cốt thép. Tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Được thể hiện tại các cột mốc theo hồ sơ bản vẽ của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 30/12/2015 (Sơ đồ phần trên nóc của căn Nhà trọ “Đông Lan” mà bà Lan E được sở hữu là phần không thể tách rời của bản án). Bà Lan E có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

Ông B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch đối với việc chia tài sản chung cho bà Lan E với số tiền là 291.624.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với các loại tài sản gồm:

1. Diện tích đất thổ cư ngang 15m x dài 60m = 900m² xây một nhà trọ hiệu “Đông Lan” được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An

Giang. Phần đất do Văn Kim Bảo L1 đứng tên quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà do bà Nguyễn Thị Lan E và ông Văn Thành B đứng tên.

2. Diện tích đất lâu năm khác ngang 55m x dài 35m = 1.925m². Tọa lạc ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Phía sau liền ranh nhà trọ Đông Lan. Do Văn Kim Bảo L1 đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Diện tích đất ngang 27m x dài 9 = 243m², sau hậu Ngân hàng Sacombank. Đất tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nhà do Văn Kim Bảo G xây dựng, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Kim D. Buộc bà Lan E có trách nhiệm trả cho bà Kim D là 1.494.688.000đ

Bà Kim D có nghĩa vụ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 339,60m². Theo tờ bản đồ số 07, thửa số 3; được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20.10.1998 cho ông Văn Thành B và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do ông Văn Thành B và bà Nguyễn Thị Lan E đứng tên được UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 06.11.2000, do phần tài sản này tạm giao cho ông Văn Thành B.

- Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ theo biên lai số 0003504 ngày 27/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông B đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

- Bà Lan E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000đ. Hoàn trả cho bà Lan E 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000445 ngày 03/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Ông B phải chịu án phí dân sự trên phần tài sản được sở hữu 19.607.640đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.703.800đ theo biên lai số 0003238 ngày 21/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông B phải nộp thêm 13.903.840đ.

- Bà Lan E phải chịu án phí dân sự trên phần tài sản được sở hữu 19.607.640đ.

- Bà Lan E phải chịu án phí dân sự đối với số tiền nợ vay của bà Kim D là 56.840.640đ

Ông B tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ 1.182.704đ.

Bà Kim D không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả cho bà Kim D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.375.000đ theo biên lai số 0003812 ngày 21.7.2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 14 tháng 4 năm 2017, bà E có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết về hôn nhân bà còn thương chồng nên yêu cầu được đoàn tụ, về phân chia tài sản không hợp lý, vợ chồng sống chung vay nợ Ngân hàng để làm ăn, bà phải vay tiền trả nợ cho Ngân hàng nhưng Tòa án buộc bà chịu trách nhiệm trả nợ, bà không đồng ý.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà E, hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình số: 43/2017/HNGĐ-ST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới và chuyển về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, cho ông B được ly hôn với bà E và xác định số nợ thiếu bà D là nợ riêng của bà E, không buộc ông B liên đới với bà E trả nợ cho bà D.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bị đơn là bà E, đề xuất áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà E, hủy Bản án sơ thẩm số 43/2017/HNGĐ - ST ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của các Luật sư, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lan E là nguyên đơn khởi kiện ông Văn Thành B nhưng đến ngày 06/4/2015 bà E có Đơn xin rút đơn khởi kiện. Ông B có đơn phản tố yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung nên đã thay đổi địa vị tố tụng ông B trở thành nguyên đơn và bà E trở thành bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Văn Kim Bảo S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị S.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín– chi nhánh An Giang có đơn yêu cầu được vắng mặt phù hợp với khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà E kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà E theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết về hôn nhân bà yêu cầu được đoàn tụ, về phân chia tài sản chung không hợp lý và về nợ chung của vợ chồng có vay Ngân hàng để làm ăn, bà phải vay tiền của bà D để trả nợ cho Ngân hàng nhưng Tòa án buộc bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D nên bà không đồng ý.

[2] Xét kháng cáo của bà E, về quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà E kết hôn năm 1982, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 16/9/2001 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng ông B và bà E phát sinh mâu thuẫn, bà E xin ly hôn nhưng sau đó có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và ông B có đơn phản tố xin được ly hôn với bà E nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống ông B và bà E thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ông B cho rằng vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2013 đến nay, còn bà E cho rằng vợ chồng ly thân từ tháng 01/2015 đến nay. Nguyên nhân ông B trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đánh nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay tình cảm của vợ chồng không còn, ông B yêu cầu được ly hôn với bà E. Còn bà E cho rằng do ông B có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng có cự cãi và đánh nhau, hiện nay bà vẫn còn thương chồng nên kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông B và bà E mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E cũng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc và ông B với bà E cũng không ai có thiện chí hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà E, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về quan hệ hôn nhân.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Văn Kim Bảo Giang, sinh ngày 10/3/1982; Văn Kim Bảo Lộc, sinh ngày 16/01/1996; Văn Kim

Bảo S, sinh ngày 19/10/1987. Các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Ông B và bà E thống nhất tài sản chung của ông bà gồm có phần đất diện tích 339,60m², số tờ bản đồ 07, số thửa 3, tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đất đã được UBND tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00016/QSĐĐ/Ha ngày 20/10/1998 cho ông B và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 50090900212 ngày 06/11/2000 cho ông B và bà E. Căn nhà ông bà đã phá dỡ để cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh An Giang thuê đất theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ngày 13/12/2011 và căn nhà có kết cấu khung + sàn bê tông cốt thép, vách gạch, nền gạch, mái tole (số tầng 2), tọa lạc tại ấp Thị 2, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5009090102 ngày 18/3/2005 cấp cho ông B và bà E. Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 639m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 44, đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03096 ngày 10/4/2014 cho anh Lộc. Đất anh L1 đã thế chấp để vay số tiền 250.000.000đ tại Quỹ Tín dụng Mỹ Luông theo Hợp đồng tín dụng số 455/2016 ngày 09/11/2016 và Hợp đồng tín dụng số 384/HĐTD ngày 15/11/2017. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa ghi nhận ý kiến của anh L1 đối với căn nhà đang tồn tại trên đất và không đưa Quỹ tín dụng Mỹ Luông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Án sơ thẩm đã tuyên giao cho bà E được sở hữu phần trên nóc của căn nhà trọ “Đông Lan” và bà E có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp quyền sở hữu nhà ở theo quy định là chưa chính xác và không thể thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, án sơ thẩm đưa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh An Giang tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác, vì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh An Giang không có đầy đủ tư cách pháp nhân để tham gia tố tụng.

[5] Về nợ chung: Bà E cho rằng có vay của bà D nhiều lần và viết biên nhận ngày 28/01/2015 thiếu bà D số tiền vốn 1.250.000.000đ. Bà D có yêu cầu độc lập yêu cầu bà E và ông B cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn và lãi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chất, làm rõ giữa các đương sự để xác định số nợ trên là nợ riêng của bà E hay nợ chung của vợ chồng nhưng đã buộc bà E có nghĩa vụ trả vốn và lãi là chưa có căn cứ vững chắc.

Từ những phân tích trên, để giải quyết triệt để yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng ông B và bà E. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới để xem xét, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà E được chấp nhận một phần nên bà E không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà E được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và 200.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/0445 ngày 03/11/2014 và số: TU/2015/0013797 ngày 14/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông B phải nộp 200.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/03504 ngày 27/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đối với tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan E. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Thành B (Đ) được ly hôn với bà Nguyễn Thị Lan E.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Văn Kim Bảo G, sinh ngày 10/3/1982; Văn Kim Bảo Lộc, sinh ngày 16/01/1996; Văn Kim Bảo S, sinh ngày 19/10/1987 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lan E. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3

năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về quan hệ tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị Lan E được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và 200.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/0445 ngày 03/11/2014 và số: TU/2015/0013797 ngày 14/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4.2. Ông Văn Thành B phải nộp 200.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/03504 ngày 27/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới để xem xét, giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND huyện Chợ Mới;
- THA huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Thái Thị Huyền Trân

Trần Thị Thúy Hà